TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-7-2019.
V/v: "Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Ksơr Y Nai – Cán bộ hưu trí.

2, Ông Võ Ánh Sửu – Cán bộ hưu trí.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15/7/2019 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về việc *"Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hồ Viết Ph, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã Kr, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện L, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ph, chị T là nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh Ph, chị T về chung sống với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, trong thời gian sống chung không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ph, chị T hay cải vả nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến không có hạnh phúc. Đến năm 2014 anh Ph và chị T sống ly thân và cuộc sống không thể kéo dài được

nữa. Nên anh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh Ph và chị T là vợ chồng.

Theo yêu cầu không công nhận vợ chồng của anh Ph, chi T cũng đồng ý. Vì chị T cho rằng mâu thuẫn của chị T và anh Ph xảy ra đã trầm trọng và hiện chị T và anh Ph không còn tình cảm gì với nhau, nên chị T cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị T và anh Ph là vợ chồng.

Về con chung: Anh Ph, chị T có 03 người con chung là Hồ Thị Tr, sinh ngày 14/7/1998; Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2009; Hồ Thị Như Q, sinh ngày 05/10/2011. Hiện có 01 người con chung là Hồ Thị Tr đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại 02 người con chung, sau khi ly thân anh Ph nuôi 01 con chung là cháu T và chị T nuôi 01 con chung là cháu Q. Nhưng nguyện vọng của anh Ph xin được nuôi cả 02 con chung, theo yêu cầu xin nuôi cả 02 con chung của anh Ph, chị T không đồng ý mà chị T xin được tiếp tục nuôi cháu Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại anh Ph và chị T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết

Về tài sản và nợ chung: Anh Ph, chị T không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Trong quá trình sống chung anh Hồ Viết Ph và chị Hoàng Thị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên anh Ph khởi kiện yêu cầu không công nhận anh Ph và chị T là vợ chồng, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Hồ Viết Ph và chị Hoàng Thị T tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND nơi cư trú theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình thì không có giá trị pháp lý, nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung anh Ph, chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài ngày càng gay gắt. Hiện tại hai người đã sống ly thân và giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc anh Ph và chị T đều có nguyện vọng yêu cầu không công nhận là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Anh Ph, chị T có 03 người con chung. Hiện có 01 người con chung là Hồ Thị Tr đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại 02 người con chung, sau khi ly thân anh Ph nuôi 01 con chung là cháu T và chị T nuôi 01 con chung là cháu Q. Vì vậy, nên cần tiếp tục giao con chung Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2009 cho anh Ph và giao con chung Hồ Thị Như Q,

sinh ngày 05/10/2011 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại anh Ph, chị T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh Ph, chị T không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Viết Ph và chị Hoàng Thị T.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2009 cho anh Ph và giao con chung Hồ Thị Như Q, sinh ngày 05/10/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Hiện tại anh Ph, chị T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

Anh Ph và chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Ph, chị T không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí tòa án;

Anh Hồ Viết Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo biên lai số 0006893 ngày 24/5/2019.

5. Về quyền khánh cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ